|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn20/04/2024 | Ngày dạy | Lớp | Tiết | Lớp | Tiết |
| 02/05/2024 | 7A | 5 | 7B | 3,4 |
| 03/05/2024 | 3 | 2 |
| 07/05/2024 | 1 |  |

**BÀI 33: SINH SẢN HỮU TÍNH Ở SINH VẬT**

Môn học: KHTN - Lớp: 7

Thời gian thực hiện: 03 tiết ( 129-131)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Nêu được khái niệm sinh sản hữu tính ở sinh vật. Phân biệt được sinh sản vô tính và sinh sản hữu tính.

- Dựa vào sơ đồ mô tả được quá trình sinh sản hữu tính ở thực vật:

+ Mô tả được các bộ phận của hoa lưỡng tính, phân biệt với hoa đơn tính.

+ Mô tả được sự thụ phấn, thụ tinh và lớn lên của quả.

- Dựa vào sơ đồ (hoặc hình ảnh) mô tả được khái quát quá trình sinh sản hữu tính ở động vật (lấy ví dụ ở động vật đẻ con và đẻ trứng).

- Nêu được vai trò của sinh sản hữu tính và một số ứng dụng trong thực tiễn. Vận dụng được những kiến thức về sinh sản hữu tính trong thực tiễn đời sống, trồng trọt và chăn nuôi. Giải thích được vì sao phải bảo vệ một số loài côn trùng thụ phấn cho cây.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- **Tự chủ và tự học:** Chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân khi tìm hiểu sinh sản hữu tính ở sinh vật.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tập hợp nhóm theo đúng yêu cầu, nhanh và đảm bảo trật tự. Thảo luận nhóm để tìm hiểu về sinh sản hữu tính ở thực vật có hoa và sinh sản hữu tính ở động vật.

- **Giải quyết vân đề và sáng tạo:** Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kĩ năng nhận biết những ứng dụng của sinh sản hữu tính vào thực tiễn.

**b. Năng lực khoa học tự nhiên**

- **Nhận thức khoa học tự nhiên:** Phát biểu được khái niệm sinh sản hữu tính. Phân biệt được sinh sản vô tính và sinh sản hữu tính. Phân biệt sinh sản hữu tính ở thực vật và động vật. Nêu được vai trò của sinh sản hữu tính trong thực tiễn. Mô tả được quá trình sinh sản hữu tính ở thực vật: Mô tả được các bộ phận của hoa lưỡng tính và phân biệt được với hoa đơn tính; mô tả được thụ phấn, thụ tinh và lớn lên của quả. Mô tả được quá trình sinh sản hữu tính ở động vật.

- **Tìm hiểu tự nhiên:** Lấy được ví dụ minh hoạ đối với các hình thức sinh sản vồ tính và hình thức sinh sản hữu tính ở sinh vật (hoa đơn tính, hoa lưỡng tính, động vật đẻ con, động vật đẻ trứng).

- **Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:** Trình bày được một số ứng dụng của các hình thức sinh sản hữu tính trong thực tiễn.

**2. Phẩm chất**

- Có niềm tin yêu khoa học.

- Quan tâm đến nhiệm vụ của nhóm.

- Có ý thức hoàn thành tốt các nội dung thảo luận trong bài học.

- Luôn cố gắng vươn lên trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Máy chiếu, laptop, hình ảnh, video: thụ phấn, thụ tinh, cách yếu tố tham gia thụ phấn.

- Hệ thống câu hỏi và phiếu học tập.

- SGK, SGV, SBT.

**2. Học sinh:**

- Học bài cũ ở nhà và hoàn thành yêu cầu của GV.

- Giấy A3, A1 bút dạ.

- Đọc nghiên cứu và tìm hiểu trước ở nhà bài 33. Sinh sản hữu tính ở sinh vật.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu)**

**a. Mục tiêu:**

- Tạo ra cho học sinh hứng thú để học sinh bày tỏ được sự hiểu biết cá nhân về sinh sản ở sinh vật.

**b. Nội dung:**

- GV tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân, cá nhân HS hoàn thành yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:**

- Các câu trả lời của HS.

*Sự khác nhau về hình thức sinh sản ở cá và sao biển:*

*+ Ở cá, các cá thể mới được tạo ra nhờ vào sự kết hợp giữa con đực và con cái qua quá trình thụ tinh, trứng được thụ tinh phát triển thành các con cá con.*

*+ Ở sao biển, cá thể mới được tạo ra không có sự kết hợp giữa con đực và con cái. Các con non được sinh ra từ 1 cá thể mẹ ban đầu.*

*- Hình thức sinh sản của cá là sinh sản hữu tính.*

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***- GV yêu cầu HS: Quan sát hình 32.1d và 32.3c, nêu sự khác nhau về hình thức sinh sản ở cá và sao biển. Cho biết tên hình thức sinh sản của cá.Quan sát hình 32.1d và 32.3c, nêu sự khác nhau về hình thức sinh sản ở cá và sao biển- HS tiếp nhận nhiệm vụ.***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***- HS nêu ý kiến.***Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận***- GV gọi ngẫu nhiên HS trình bày đáp án. GV liệt kê các đáp án của HS trên bảng.***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá- GV nhận xét, đánh giá và dẫn dắt vào bài học. | - Các câu trả lời của HS. |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1: Tìm hiểu khái niệm sinh sản hữu tính**

**a. Mục tiêu:**

- Nêu được khái niệm sinh sản hữu tính ở sinh vật. Phân biệt được sinh sản vô tính và sinh sản hữu tính.

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng kĩ thuật hỏi – đáp, yêu cầu HS đọc thông tin SGK để tìm hiểu về khái niệm sinh sản hữu tính.

**c. Sản phẩm:**

- Câu trả lời của học sinh.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hình thức** | **Vô tính** | **Hữu tính** |
| Điểm giống | - Đều tạo ra cá thể mới từ các cá thể ban đầu. |
| Điểm khác | - Hình thức sinh sản tạo ra cá thể mới không cần sự kết hợp yếu tố đực và cái.  | - Hình thức sinh sản tạo ra cá thể mới bằng cách kết hợp giữa yếu tố đực và yếu tố cái tạo nên hợp tử. |
| - Các cá thể mới thường có vật chất di truyền không thay đổi → Thích nghi với môi trường sống ổn định, không thay đổi. | - Các cá thể mới có vật chất di truyền thay đổi đa dạng → Thích nghi với môi trường sống thay đổi (có giá trị thích nghi cao). |

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung kiến thức** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***- GV yêu cầu HS nghiên cứu thông tin, cho biết sinh sản hữu tính là gì?*+ So sánh sinh sản vô tính và sinh sản hữu tính bằng cách hoàn thành bảng sau (bảng 33.1):*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hình thức sinh sản | Vô tính | Hữu tính |
| Điểm giống | ? |
| Điểm khác | ? | ? |

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***- HS đọc thông tin SGK và thực hiện nhiệm vụ.- GV quan sát và hỗ trợ HS.***Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận***- GV gọi ngẫu nhiên HS trình bày đáp án. GV liệt kê các đáp án của HS trên bảng.***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá.- GV nhận xét và kết luận nội dung khái niệm sinh sản hữu tính. | **I. Khái niệm sinh sản hữu tính**- Sinh sản hữu tính là hình thức sinh sản có sự kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái tạo thành hợp tử, hợp tử phát triển thành cơ thể mới. |

**Hoạt động 2.2: Tìm hiểu sinh sản hữu tính ở thực vật, động vật, và ứng dụng của sinh sản hữu tính**

**a. Mục tiêu**

- Mô tả được quá trình sinh sản hữu tính ở thực vật: Mô tả được các bộ phận của hoa lưỡng tính và phân biệt được với hoa đơn tính; mô tả được thụ phấn, thụ tinh và lớn lên của quả.

- Mô tả được quá trình sinh sản hữu tính ở động vật. Lấy được ví dụ động vật đẻ con, động vật đẻ trứng.

- Phân biệt sinh sản hữu tính ở thực vật và động vật. Nêu được vai trò của sinh sản hữu tính trong thực tiễn.

- Trình bày được 1 số ứng dụng của sinh sản hữu tính trong thực tiễn.

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng phương pháp trực quan kết hợp nêu vấn đề qua hoạt động thảo luận trạm, kĩ thuật các mảnh ghép để tìm hiểu sinh sản hữu tính ở thực vật có hoa, sinh sản hữu tính ở động vật.

**c. Sản phẩm:**

- Câu trả lời và các phiếu học tập của học sinh trong các nhóm hợp tác.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung kiến thức** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***- GV giao nhiệm vụ từ tiết trước “Chuẩn bị hội thảo”:*+ Nhóm A: Tìm hiểu về sinh sản hữu tính ở thực vật, hoàn thành phiếu học tập 1.**+ Nhóm B: Tìm hiểu về sinh sản hữu tính ở động vật, hoàn thành phiếu học tập 2.**+ Nhóm C: Tìm hiểu về vai trò và ứng dụng của sinh sản hữu tính, hoàn thành phiếu học tập 3.* *(Phiếu học tập ở phần hồ sơ học tập)*- Hoạt động trên lớp: GV tổ chức tìm hiểu kiến thức bằng cách hoạt động hội thảo.Thành lập các nhóm hợp tác và tổ chức hội thảo: + Học sinh trong 1 nhóm (A, B, C) tự đếm số từ 1 đến 3. Nếu thừa HS thì đánh số lại từ 1.+ Học sinh có số giống nhau sẽ tập hợp thành nhóm mới (Nhóm 1, 2, 3).+ Thành viên của nhóm thuyết trình về sản phẩm của nhóm mình.+ Sau thời gian quy định, các nhóm mới dịch chuyển theo vòng tròn tới các trạm. Ở mỗi trạm, HS thuyết trình về sản phẩm và các HS khác đặt câu hỏi. - HS Nhận nhiệm vụ. ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***- Các nhómthảo luận hoàn thiện bài trong vòng 5’. Sau khi thảo luận xong, Tất cả các nhóm báo cáo sản phẩm học tập trước lớp.- Nhóm nào trình bày có chất lượng tốt sẽ được tặng điểm.***Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận.******-*** Đại diện các nhóm lên bảng trình bày kết quả- Mời nhóm khác nhận xét.- GV nhận xét sau khi các nhóm đã có ý kiến nhận xét bổ sung. ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá.- GV nhận xét và kết luận nội dung từng phần. | **II. Sinh sản hữu tính ở thực vật có hoa**- Hoa là cơ quan sinh sản hữu tính ở thực vật hạt kín.**1. Cấu tạo hoa**- Các bộ phận của hoa gồm: cuống hoa, đế hoa, lá đài (đài hoa), cánh hoa (tràng hoa), nhị hoa (cơ quan sinh sản đực), nhuỵ hoa (cơ quan sinh sản cái). - Có 2 loại hoa:+ Hoa có cả nhị và nhuỵ được gọi là hoa lưỡng tính.+ Hoa chỉ có nhị hoặc nhuỵ gọi là hoa đơn tính.**2. Thụ phấn và thụ tinh**- Thụ phấn là quá trình hạt phấn được chuyển từ nhị đến đầu nhụy.- Có hai hình thức thụ phấn là thụ phấn chéo và tự thụ phấn.- Thụ tinh ở thực vật và quá trình kết hợp giữa giao tử đực với giao tử cái hình thành hợp tử, hợp tử phát triển thành phô, từ phôi hình thành cơ thể mới.**3. Quá trình lớn lên của quả**- Sau khi thụ tinh, noãn phát triển thành hạt và bầu nhụy phát triển thành quả chứa hạt. Hạt chứa phôi phát triển thành cơ thể mới.**II. Sinh sản hữu tính ở động vật****1. Các giai đoạn của quá trình sinh sản**- Quá trình sinh sản hữu tính ở động vật gồm ba giai đoạn nối tiếp nhau:+ Hình thành tinh trùng và trứng. + Thụ tinh tạo thành hợp tử. + Phát triển phôi và hình thành cơ thể mới.- Hình thức sinh sản hữu tính ở động vật gồm: Động vật đẻ trứng (một số loài bò sát, cá, chim), động vật đẻ con (thú).**2. Vai trò và ứng dụng sinh sản hữu tính trong thực tiễn****\* Vai trò của sinh sản hữu tính:** Sinh sản hữu tính tạo ra những cá thể mới đa dạng, kết hợp được các đặc tính tốt của bố và mẹ. Vì vậy, chúng vừa giống bố, mẹ vừa mang những đặc điểm khác nhau, khác bố mẹ. Giúp chúng thích nghi tốt hơn trước điều kiện môi trường sống luôn thay đổi.**\* Ứng dụng trong thực tiễn**Con người chủ động tạo ra giống vật nuôi, cây trồng mới có sức sống tốt, năng suất cao, chất lượng tốt đúng thời điểm, thích nghi tốt với điều kiện môi trường và đáp ứng nhu cầu của con người. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:**

- HS dựa vào nội dung được học để tổng kết bài học, trả lời câu hỏi, tìm hiểu và giải thích hiện tượng thực tế.

**b. Nội dung:**

- Giáo viên hướng dẫn học sinh dựa vào bài học để tổng kết bài học theo tranh hoặc bằng sơ đồ tư duy và trả lời câu hỏi trắc nghiệm.

**Câu 1.**Sinh sản hữu tính ở thực vật là cây con sinh ra mang đặc điểm

A. giống cây mẹ, có sự kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái

B. giống cây mẹ, không có sự kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái

C. vừa giống bố mẹ và có những đặc điểm khác nhau và khác bố mẹ, có sự kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái

D. khác cây mẹ, không có sự kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái

**Câu 2.** Sự thụ phấn là quá trình

A. chuyển hạt phấn từ bao phấn sang bầu nhuỵ.

B. chuyển giao tử đực từ bao phấn sang vòi nhuỵ.

C. chuyển hạt phấn từ bao phấn sang đầu nhuỵ.

D. chuyển hạt phấn từ bao phấn sang noãn.

**Câu 3.** Điều đúng với sinh sản hữu tính ở động vật là

A. cá thể có thể sống độc lập, đơn lẻ vẫn sinh sản bình thường

B. đảm bảo sự ổn định về mặt di truyền qua các  thế hệ cơ thể

C. tạo ra số lượng lớn con cháu trong thời gian ngắn

D. có khả năng thích nghi cao với sự thay đổi của điều kiện môi trường

**Câu 4.** Hoa lưỡng tính là

A. hoa có đài, tràng và nhuỵ hoa.

B. hoa có đài, tràng và nhị hoa.

C. hoa có nhị và nhuỵ hoa.

D. hoa có đài và tràng hoa.

**Câu 5.** Hạt được hình thành từ

A. Bầu nhụy.

B. Bầu nhị

C. Noãn đã được thụ tinh.

D. Hạt phấn

**Câu 6.** Sinh sản hữu tính ở động vật là sự kết hợp

A. của nhiều giao tử đực với một giao tử cái tạo nên hợp tử phát triển thành cơ thể mới

B. ngẫu nhiên của giao tử đực và giao tử cái tạo nên hợp tử phát triển thành cơ thể mới

C. có chọn lọc của hai giao tử đực và một giao tử cái tạo nên hợp tác phát triển thành cơ thể mới

D. có chọn lọc của giao tử cái với nhiều giao tử đực và một tạo nên hợp tử phát triển thành cơ thể mới

**Câu 7.** Quả được hình thành từ

A. Noãn được thụ tinh B. Bầu nhụy

C. Bầu nhị D. Noãn không được thụ tinh

**c. Sản phẩm:**

- Câu trả lời của học sinh.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. C | 2. C | 3. D | 4. C | 5. C | 6. B | 7. B |

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***- GV tổ chức tả lời câu hỏi trắc nghiệm dưới dạng trò chơi *“Ai nhanh hơn?”,* yêu cầu HS tham gia trả lời.***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***- HS tham gia trò chơi, trả lời các câu hỏi.***Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận***- GV gọi ngẫu nhiên HS trả lời.***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***- HS nhận xét.- GV nhận xét, đưa ra kết quả. | - Các câu trả lời của HS. |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:**

- Học sinh dựa vào nội dung được học để tìm hiểu và giải thích các hiện tượng thực tế.

**b. Nội dung:**

- Giáo viên hướng dẫn học sinh dựa vào bài học để trả lời câu hỏi.

*1. Vì sao ở các vườn trồng cây như nhãn, vải, xoài người ta thường kết hợp với nuôi ong?*

*2. Nêu ưu điểm của việc mang thai và sinh con ở động vật có vú so với đẻ trứng ở các loài động vật khác.*

*3. Vì sao nói sinh sản hữu tính làm tăng khả năng thích nghi của thế hệ sau đối với môi trường sống luôn thay đổi và tạo nên sự đa dạng di truyền cho các thế hệ sau?*

**c. Sản phẩm:**

- Câu trả lời của học sinh.

*1. Ở các vườn trồng cây như nhãn, vải, xoài người ta thường kết hợp với nuôi ong vì:*

*- Ong có tập tính là hút mật các bông hoa đang nở, trong quá trình hút mật thì ong sẽ giúp thụ phấn cho hoa. Nuôi ong trong vườn cây ăn quả giúp tăng số lượng hoa được thụ phấn, tạo ra nhiều quả, làm tăng năng suất của cây trồng.*

*- Ngoài ra, mật ong có giá trị kinh tế cao → Nuôi ong vừa giúp tăng sản lượng quả vừa giúp tăng thêm thu nhập từ mật ong và sáp ong cho người nuôi.*

*2. Ưu điểm của việc mang thai và sinh con ở động vật có vú so với đẻ trứng:*

*- Phôi được nuôi dưỡng bằng cách lấy chất dinh dưỡng từ cơ thể mẹ qua nhau thai nên thai nhi luôn có nguồn cung cấp chất dinh dưỡng dồi dào, nhiệt độ trong cơ thể mẹ rất thích hợp cho sự phát triển của phôi.*

*- Phôi trong bụng mẹ được bảo vệ tốt trước kẻ thù và các tác nhân gây hại.*

*3. Sinh sản hữu tính làm tăng khả năng thích nghi của thế hệ sau đối với môi trường sống luôn thay đổi và tạo nên sự đa dạng di truyền cho các thế hệ sau vì:*

*- Cơ sở của sinh sản hữu tính là sự hình thành giao tử đực (tinh trùng) và giao tử cái (noãn) và sự kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái.*

*- Thông qua sự tạo thành giao tử và sự thụ tinh ngẫu nhiên, rất nhiều tổ hợp di truyền khác nhau sẽ được hình thành (khác tổ hợp di truyền của bố mẹ ban đầu). Điều đó khiến cho sự đa dạng di truyền của một quần thể càng lớn → khả năng thích nghi với môi trường biến động ngày càng cao. Khi môi trường thay đổi hoàn toàn và đột ngột, những cá thể con mang tổ hợp di truyền biến dị mới có thể thích nghi hơn những cá thể con có kiểu gen đồng nhất và giống hệt bố mẹ.*

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***- GV sử dụng “kĩ thuật động não” yêu cầu HS trả lời các câu hỏi. (Nếu không đủ thời gian GV sẽ giao về nhà).- HS tiếp nhận nhiệm vụ.***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.***Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận***- GV gọi ngẫu nhiên HS trả lời câu hỏi.***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***- GV nhận xét, đánh giá, kết luận. | - Các câu trả lời của HS. |

**IV. HỒ SƠ HỌC TẬP**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

1. Sưu tập tranh/ phim ảnh về hoa và chỉ rõ trên hình đó các thành phần cấu tạo của hoa (hoa lưỡng tính và hoa đơn tính)?

2. Quan sát hình 33.3, nêu sự khác nhau giữa tự thụ phấn và thụ phấn chéo.

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

3. Lấy ví dụ về hoa thụ phấn nhờ gió, nhờ sâu bọ, nhờ con người.

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

4. Sưu tập hình ảnh/ phim về quá trình hình thành và lớn lên của quả và cho biết: Quả được hình thành và lớn lên như thế nào?

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

1. Mô tả khái quát quá trình sinh sản hữu tính ở động vật. Lấy ví dụ ở động vật đẻ con và động vật đẻ trứng.

................................................................................................................................

...............................................................................................................................

2. Quan sát hình 33.5, nêu các giai đoạn của quá trình sinh sinh sản ở người.

................................................................................................................................

...............................................................................................................................

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

1. Nêu một số ứng dụng của sinh sản hữu tính trong thực tiễn và cho ví dụ minh họa.

................................................................................................................................

...............................................................................................................................

2. Sưu tầm hình ảnh về ví dụ vai trò và ứng dụng của sinh sản hữu tính trong thực tiễn.

***Kiểm tra đánh giá thường xuyên***

- Kết thúc mỗi phần học, bài học, GV cho học sinh tự đánh giá theo bảng sau

Họ và tên học sinh

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các tiêu chí** | **Tốt** | **Khá** | **TB** | **Chưa đạt** |
| Chuẩn bị bài trước khi đến lớp |  |  |  |  |
| Tham gia hoạt động nhóm theo yêu cầu của GV |  |  |  |  |
| Tham gia tích cực hoạt động thảo luận ở nhà |  |  |  |  |
| Trả lời được những yêu cầu của GV và bạn  |  |  |  |  |

- GV cho học sinh trong nhóm đánh giá chéo nhau theo bảng sau

Họ và tên người đánh giá: ……………… Nhóm: ……….

Họ và tên người được đánh giá: …………………………..

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các tiêu chí** | **Tốt** | **Khá** | **TB** | **Chưa đạt** |
| Chuẩn bị bài trước khi đến lớp |  |  |  |  |
| Tham gia hoạt động nhóm theo yêu cầu của GV |  |  |  |  |
| Tham gia tích cực hoạt động thảo luận ở nhà |  |  |  |  |
| Trả lời được những yêu cầu của GV và bạn |  |  |  |  |